TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2019/DS – ST
Ngày: 19 – 7 – 2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**:** Bà Trần Thị Nhung*

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tùng

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyến – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2019/TLST – DS ngày 27 tháng 02 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST – DS ngày 19/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Khánh V, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp PA, xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Nguyễn T, sinh năm 1956 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Bà Lê Thị L, sinh năm 1960 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp PA, xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đinh Toàn M, sinh năm 1964; Địa chỉ: ấp PA, xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Lê Thị Khánh V, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp PA, xã PT, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của bà Lê Thị Khánh Vân tại Tòa án:

Bà Lê Thị Khánh V bán dầu DO và nước đá cho vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lê Thị L. Từ năm 2006 đến năm 2010 ông T, bà L lấy nước đá và dầu cho các ghe, tàu đi đánh bắt hải sản nhưng chưa trả tiền. Bà V đã nhiều lần yêu cầu ông T, bà L trả tiền nhưng bị đơn khất lần không trả. Cụ thể năm 2006 nợ 349.946.000 đồng, năm 2009 nợ 227.701.000 đồng + 16.416.000 đồng, năm 2010 nợ 510.199.000 đồng. Ngày 06/01/2018 giữa các bên đã lập giấy mượn

tiền xác nhận nội dung vợ chồng ông T, bà L còn nợ bà V số tiền 1.104.262.000 đồng.

Ngày 18/02/2019 bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà L phải trả lại cho bà V số tiền do mua hàng hóa còn nợ là 1.104.000.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 4 năm 2010 đến tháng 4/2019 là 894.000.000 đồng (0,75%/tháng). Đến ngày 06/5/2019 bà V có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T, bà L trả lại số tiền nợ gốc là 1.104.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/01/2018 đến ngày 06/5/2019 là 132.480.000 đồng.

Theo lời khai của ông T, bà L tại Tòa án:

Ông Nguyễn T và bà Lê Thị L là vợ chồng. Ông, bà xác nhận có mua dầu DO và nước đá của bà Lê Thị Khánh V. Trong quá trình mua bán với nhau ông T, bà L có nợ tiền của bà V, cụ thể từng năm số tiền bao nhiêu thì ông, bà không nhớ chính xác do thời gian đã lâu và tập quán làm ăn ở địa phương chỉ có chủ hàng ghi chép số lượng hàng mua. Ngày 06/01/2018 các bên đối chiếu công nợ với nhau và lập giấy mượn tiền xác nhận ông T, bà L còn nợ bà V số tiền 1.104.262.000 đồng. Ông T, bà L xác nhận chữ ký và chữ viết Nguyễn T – Lê Thị L tại giấy mượn tiền lập ngày 06/01/2018 là do ông, bà tự viết và ký tên. Ông T, bà L cho rằng cùng ngày 06/01/2018 đã ký một tờ giấy xác nhận khác với nội dung bà V đồng ý cho ông, bà trả nợ từ năm 2020 theo phương thức trả dần. Tuy nhiên, giấy thỏa thuận về phương thức trả nợ này chỉ lập một bản cho bà V giữ nên ông T, bà L không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Nay ông T, bà L đồng ý trả số tiền nợ 1.104.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà V nhưng không đồng ý trả lãi vì ông, bà không vay tiền của bà V. Hiện nay ông, bà đã già yếu, bệnh tật, mất sức lao động nên đề nghị được trả dần số tiền nợ cho bà V.

Theo lời trình bày của đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà V và ông Đinh Toàn M là vợ chồng. Ông Mỹ đồng ý với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà V. Yêu cầu ông T, bà L trả số tiền 1.104.000.000 đồng cho bà V.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền mua bán tài sản còn thiếu là 1.104.000.000 đồng.

Bị đơn bà L đồng ý trả số tiền mua bán tài sản còn thiếu là 1.104.000.000 đồng cho vợ chồng bà V.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng thành phần, tư cách của những người tham gia tố tụng, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 1.104.000.000 đồng. Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Khánh V yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn T, bà Lê Thị L trả tiền nợ do mua hàng hóa (dầu DO và nước đá) còn thiếu; các đương sự đang cư trú tại xã PT, huyện LĐ nên Tòa án xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo luật định.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do có mối quan hệ quen biết, làm ăn với nhau từ lâu nên bà Lê Thị Khánh V cho ông Nguyễn T, bà Lê Thị L nợ tiền mua nước đá, dầu DO từ năm 2006 đến năm 2010. Giữa hai bên đã lập giấy mượn tiền ngày 06/01/2018 chốt lại số tiền nợ là 1.104.262.000 đồng. Trong quá trình làm việc tại Tòa án các bên đều xác nhận nội dung tại giấy mượn tiền ngày 06/01/2018 là chốt lại số tiền ông T, bà L mua hàng còn nợ, không phải giấy xác nhận ông T, bà L vay tiền của bà V. Ông T, bà L đồng ý trả số tiền này cho bà V nhưng không tới Tòa án làm việc, hòa giải. Xét việc mua bán tài sản giữa hai bên là có thật, bị đơn cũng thừa nhận số tiền còn nợ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 1.104.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2019 ông T, bà L cho rằng trong ngày 06/01/2018 đã ký một tờ giấy xác nhận khác nội dung bà Vân đồng ý cho ông T, bà L trả số tiền nợ trên từ năm 2020 theo phương thức trả dần. Tuy nhiên, giấy thỏa thuận về phương thức trả nợ này chỉ lập một bản cho bà V giữ nên ông T, bà L không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án. Tại phiên tòa, nguyên đơn không thừa nhận có văn bản thỏa thuận về phương thức trả nợ như lời trình bày của bị đơn, bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì thấy: Tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền nợ mua bán hàng hóa. Xét việc rút yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà V được Tòa án chấp nhận nên ông T, bà L phải nộp số tiền án phí có giá ngạch được tính trên giá trị tranh chấp là 1.104.000.000 đồng. Tuy nhiên do ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn phần án phí của ông T.

Bà V không phải nộp án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 275, 280, 357, 430, 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Khánh V.

1. Buộc ông Nguyễn T và bà Lê Thị L phải trả cho bà Lê Thị Khánh V số tiền 1.104.000.000đ (một tỷ, một trăm lẻ bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Khánh V về việc yêu cầu ông Nguyễn T và bà Lê Thị L trả số tiền lãi là 894.000.000đ (tám trăm chín mươi bốn triệu đồng).

3. Về án phí:

Ông Nguyễn T là người cao tuổi, được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị L phải nộp số tiền 22.560.000đ (hai mươi hai triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Khánh V không phải nộp án phí và được hoàn trả lại số tiền 35.970.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số TU/2017/0009948 ngày 25/02/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn này tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Nhung

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.